

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 12/2023/DS-ST.

Ngày: 13/6/2023.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phù Quốc Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Hân.

2. Bà Mai Thị Tuyết Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Chuẩn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 2 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXX-DS ngày 27 tháng 4 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐHPT ngày 22 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn T (tên gọi khác: H). Sinh năm 1970.

Trú tại: A ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Kim Đ. Sinh năm 1974.

Nơi cư trú cuối cùng: 436 ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ông Đ vắng mặt; ông T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 13/7/2020, ông T cho ông Đ vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng và không có thỏa thuận lãi vay. Đến ngày 01/9/2020, ông T cho ông Đ vay tiếp 150.000.000 đồng, không lãi suất và không thỏa thuận thời hạn vay. Cả hai lần vay tiền đều được ông Đ viết giấy mượn tiền.

Đến ngày 05/9/2020, ông T đã gửi thông báo đòi nợ cho ông Đ. Sau ngày 05/9/2020, ông T đã nhiều lần yêu cầu ông Đ trả nợ nhưng ông Đ đồng ý trốn tránh và không thực hiện trả nợ.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu ông Đ trả:

- Nợ gốc: 300.000.000 đồng.

- Tiền lãi do chậm thanh toán (tạm tính từ tháng từ ngày 13/9/2020 đến 13/12/2022: $(300.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 27 \text{ tháng}) = 81.000.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng: 381.000.000 đồng. Thực hiện trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Đ không tham gia tố tụng trong vụ án và không có lời khai.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

1. Ông T có đơn xin vắng mặt và có yêu cầu ông Đ trả:

- Nợ gốc: 300.000.000 đồng.

- Tiền lãi do chậm thanh toán (tạm tính từ ngày 14/09/2020 đến ngày 13/6/2023): $300.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 33 \text{ tháng} = 82.170.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng: 382.170.000 đồng. Thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Ông Đ vắng mặt.

3. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; ông T đã chấp hành đúng quy định pháp luật; ông Đ không tham gia tố tụng trong vụ án.

+ Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T vì có cơ sở; do ông Đ không có lời khai nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu của ông T thuộc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét ông Đ có nơi cư trú cuối cùng tại 436 ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự:

Xét Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 02 đối với ông Đ để tham gia phiên hòa giải nhưng ông Đ vẫn cố tình vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và vụ án được đưa ra xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 02 đối với ông Đ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng ông Đ vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét ông T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về nợ gốc:

Căn cứ giấy mượn tiền ngày 13/7/2020 và ngày 01/9/2020 thể hiện ông Đ có vay ông T số tiền là 300.000.000 đồng.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định tình tiết này là sự thật và đủ cơ sở để kết luận ông Đ còn nợ ông T số tiền là 300.000.000 đồng.

Xét số nợ trên đã quá hạn thanh toán nhưng ông Đ chưa trả nợ cho ông T là đã vi phạm thỏa thuận giữa hai bên và gây thiệt hại cho ông T nên ông Đ phải thực hiện trả số tiền 300.000.000 đồng cho ông T ngay khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự.

[2.2] Về tiền lãi do chậm thanh toán:

Tại đơn xin vắng mặt ngày 12/6/2023, ông T có yêu cầu ông Đ đồng thanh tiền lãi do chậm thanh toán theo mức lãi suất 0.83%/tháng, thực hiện từ ngày 14/09/2020 đến ngày 13/6/2023, cụ thể: $(300.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/\text{tháng} \times 33 \text{ tháng}) = 82.170.000 \text{ đồng}$.

Xét yêu cầu này của ông T là phù hợp với khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự nên chấp nhận.

[2.3] Như vậy, ông Đ có nghĩa vụ thanh toán cho ông T gồm:

- Nợ gốc: 300.000.000 đồng.

- Tiền lãi do chậm thanh toán (tạm tính từ ngày 14/09/2020 đến ngày 13/6/2023): 82.170.000 đồng.

Tổng cộng: 382.170.000 đồng. Thực hiện trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Phạm Văn T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, trường hợp ông Nguyễn Kim Đ chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông Nguyễn Kim Đ còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3] Xét ông Đ không có lời khai nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Ông Đ phải nộp là 19.108.500 đồng.

- H1 lại cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.525.000 đồng theo Biên lai tạm ứng án phí số AA/2021/0046120 ngày 08/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giờ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 40; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 466; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Phạm Văn T** (tên gọi khác: **H**):

Buộc ông **Nguyễn Kim Đ** phải thanh toán cho ông **Phạm Văn T** số tiền là:

- Nợ gốc: 300.000.000 đồng.

- Tiền lãi do chậm thanh toán (tạm tính từ ngày 14/09/2020 đến ngày 13/6/2023): 82.170.000 đồng.

Tổng cộng: 382.170.000 đồng. Thực hiện trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

*Kể từ ngày ông **Phạm Văn T** có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, trường hợp ông **Nguyễn Kim Đ** chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông **Nguyễn Kim Đ** còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.*

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông **Nguyễn Kim Đ** phải nộp là 19.108.500 đồng.

- **H1** lại cho ông **Phạm Văn T** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.525.000 đồng theo Biên lai tạm ứng án phí số AA/2021/0046120 ngày 08/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giờ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Tuyết Dung Trần Thị Ngọc Hân

Phù Quốc Tuấn